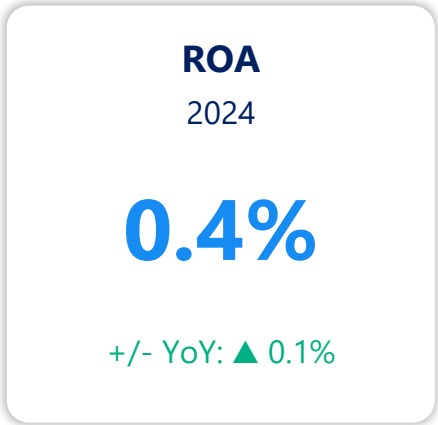
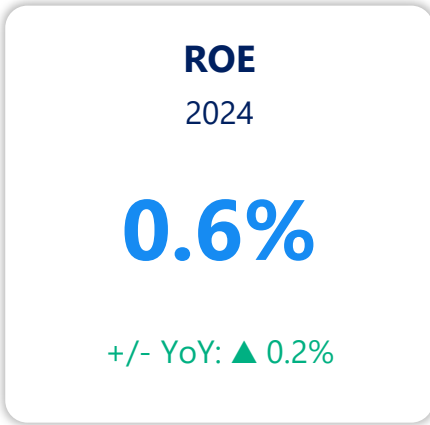
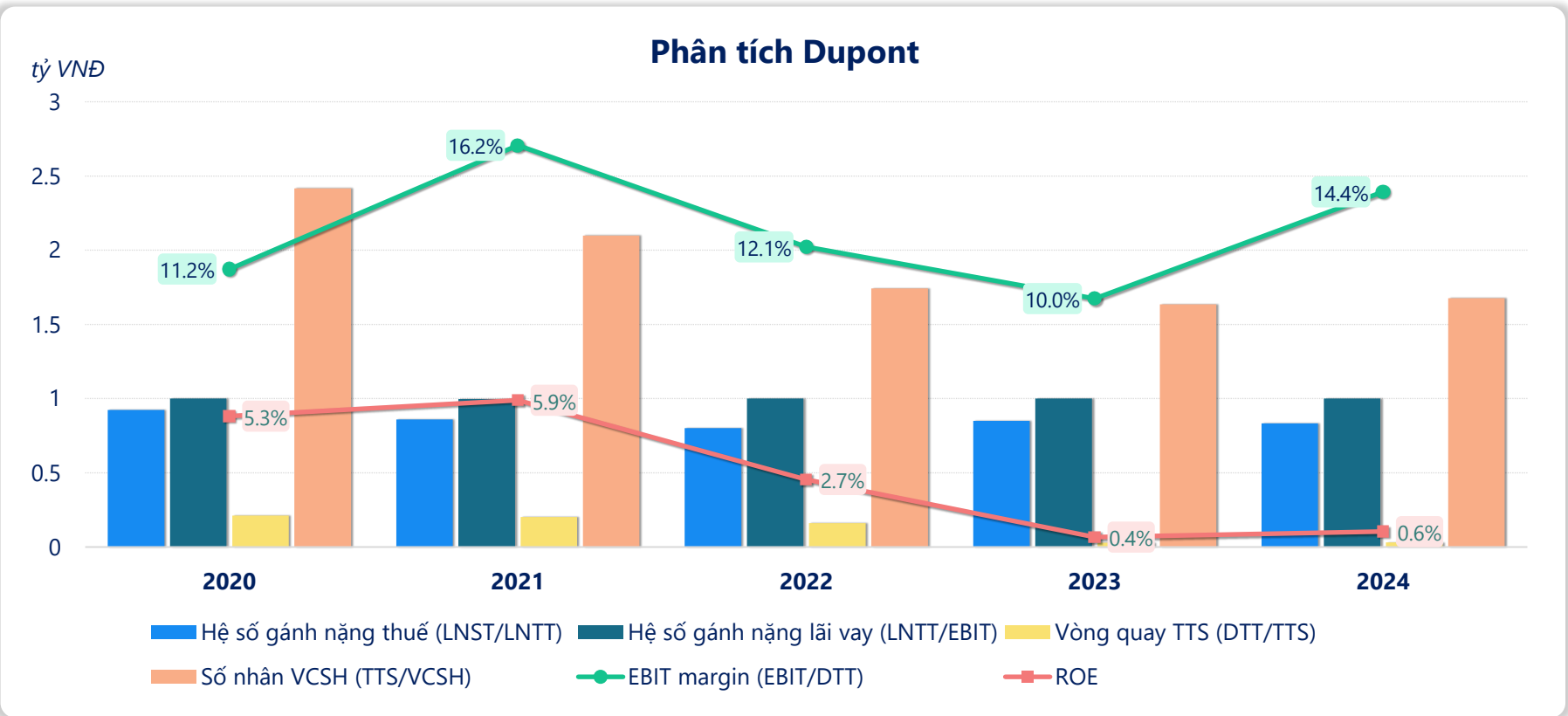
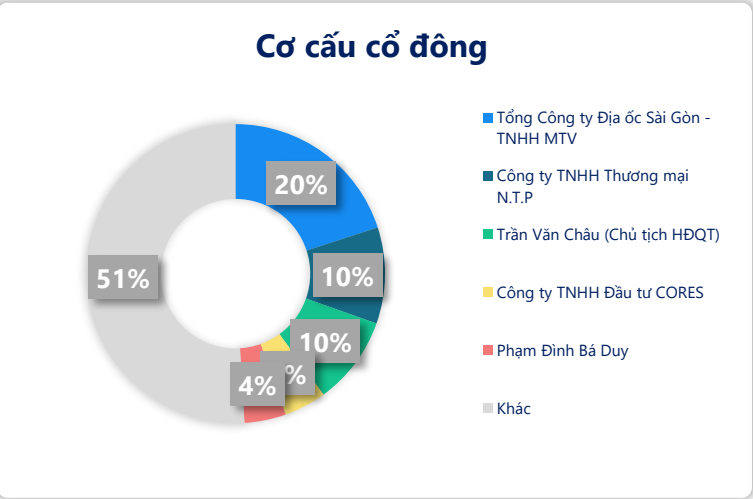


Hệ số Dupont là một công cụ phân tích tài chính giúp phân tích và hiểu rõ nguồn gốc của lợi nhuận dựa trên 5 nhân tố chính.

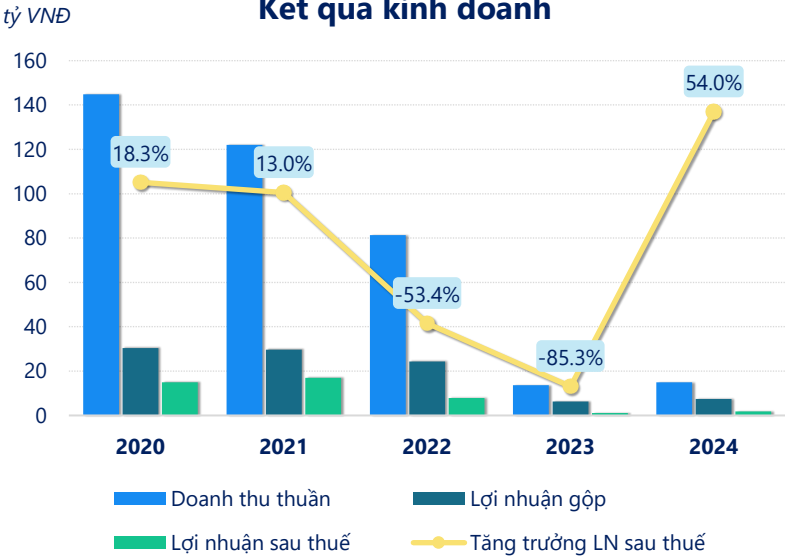
Thông tin giao dịch		31/12/2024
Giá hiện tại (VNĐ)		11,900
Sàn giao dịch		HNX
Khoảng giá 52 tuần		11,200 - 14,000
Vốn hóa (tỷ VNĐ)		165
Số lượng CPLH (CP)		13,858,714
KLGD BQ 20 phiên (CP)		6,080
Sở hữu nước ngoài		0.3%
Beta		0.22
EPS		129
P/E		92.3

	YTD	1T	3T	6T
RCL		2.6%	-7.0%	-7.8%
VNINDEX		2.1%	-0.2%	-1.3%



### CTCP Địa ốc Chợ Lớn (HNX: RCL)

Kết quả kinh doanh

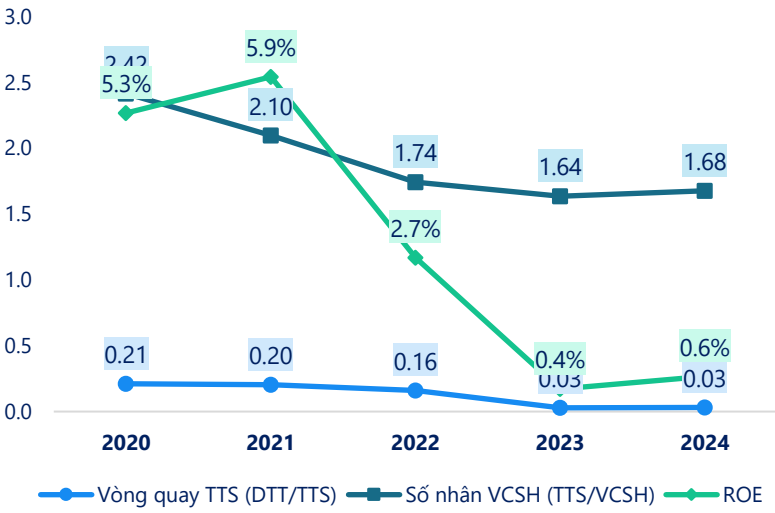


Tỷ lệ lợi nhuận trước thuế và lãi vay (Ebit margin) **tăng lên** đạt **14.4%**, cho thấy sự cải thiện trong hiệu suất hoạt động và khả năng sinh lợi nhuận.

Hệ số gánh nặng thuế bằng **0.83**, **giảm** so với năm trước phản ánh một phần lợi nhuận sau thuế đã bị giảm bớt bởi các khoản thuế.

**Sự duy trì** của hệ số gánh nặng lãi vay ở mức **1.00** so với năm trước có thể là tín hiệu về sự ổn định trong quản lý chi phí lãi vay và lợi nhuận, giúp tạo ra một cấu trúc tài chính ổn định và bền vững.

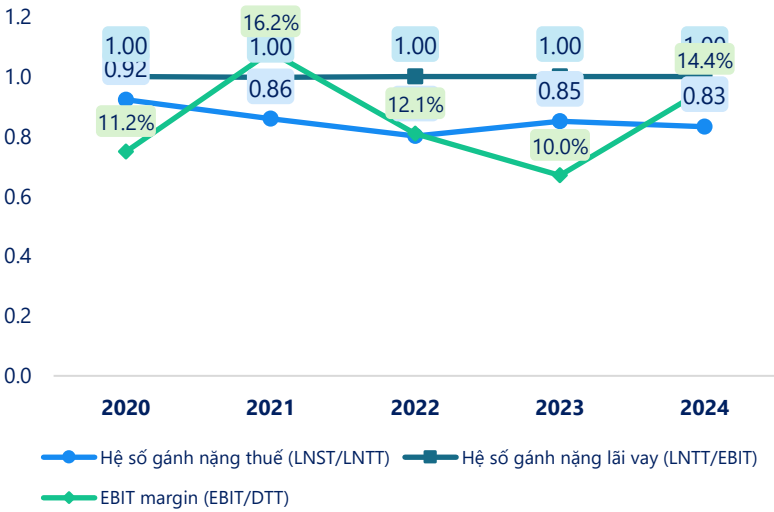
Vòng quay tài sản và ROE



Kết quả kinh doanh **RCL** năm **2024**, doanh thu thuần đạt **14.95** tỷ đồng **tăng 9.98%**, lợi nhuận sau thuế **tăng mạnh 54.0%** đạt **1.79** tỷ đồng.

Công ty có sự tăng trưởng về doanh thu và lợi nhuận, với **ROE** đạt **0.62%**. Là một tín hiệu tích cực về hoạt động kinh doanh, tuy nhiên công ty cần cải thiện hiệu quả hoạt động tốt hơn.

Hệ số gánh nặng thuế và lãi vay

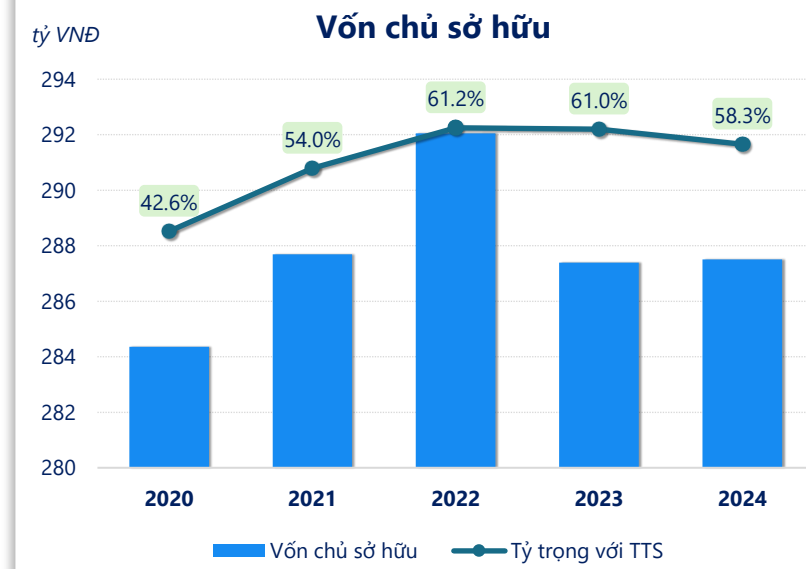
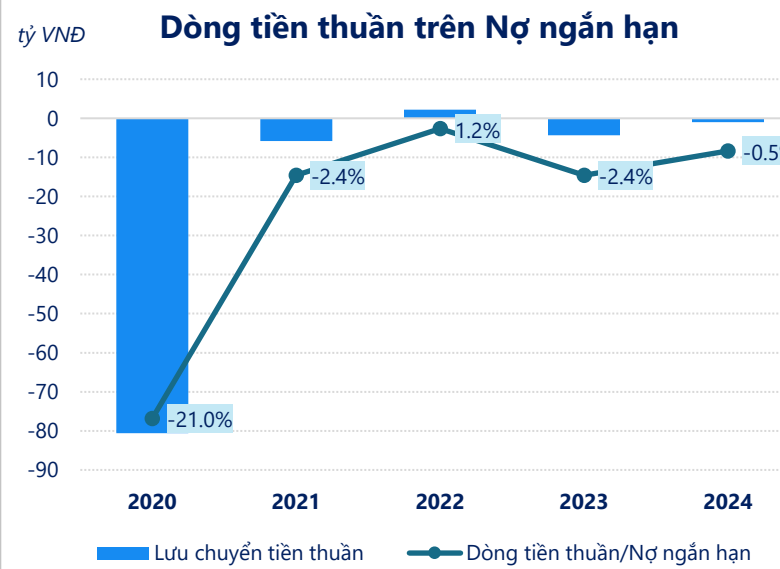
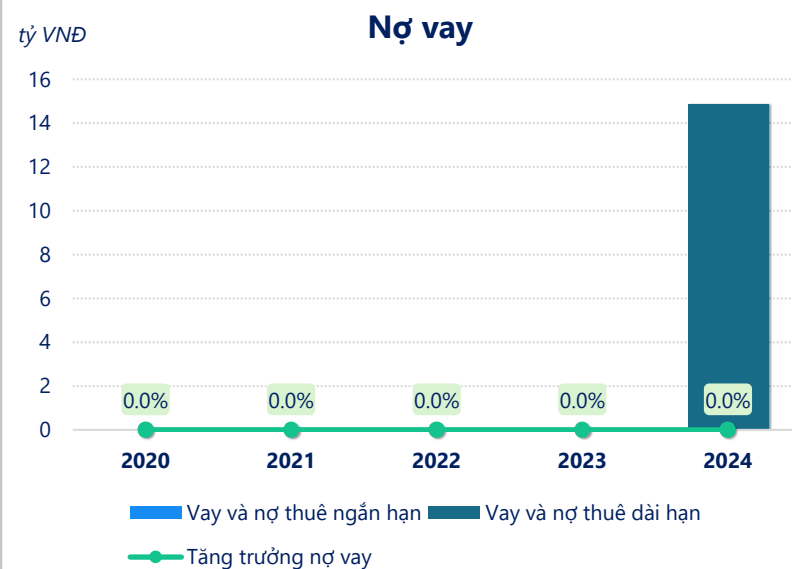
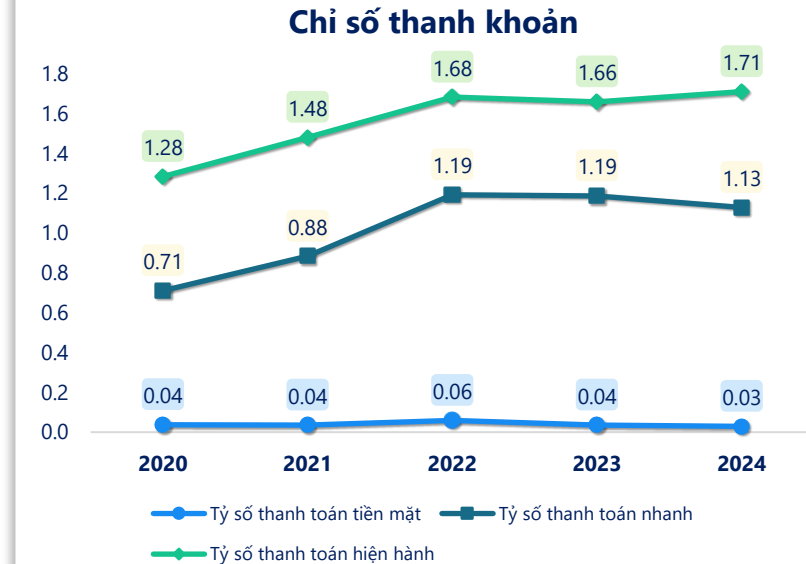
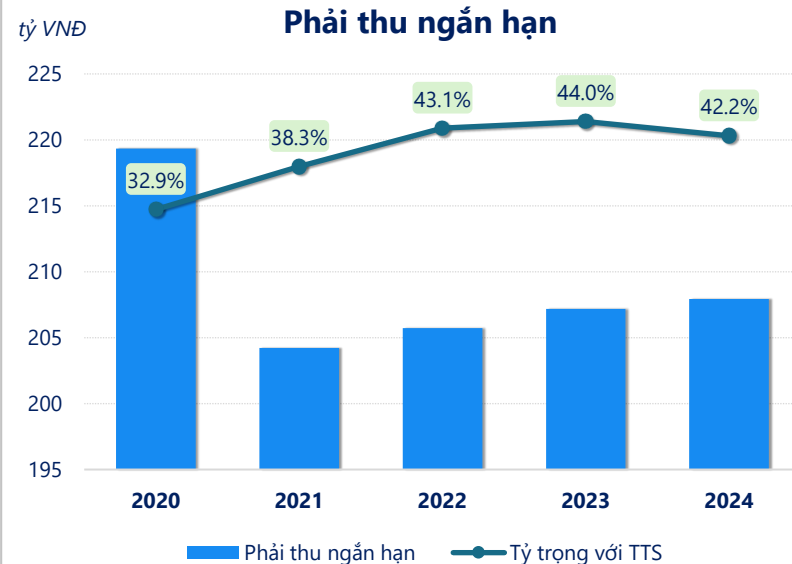


Hiệu suất sử dụng tài sản được cải thiện khi vòng quay tổng tài sản **tăng lên** đến **0.03**, tăng khả năng tạo ra doanh thu từ tài sản.

Số nhân vốn chủ sở hữu **tăng lên** đến **1.68** cho thấy tỷ lệ Nợ/VCSH cao hơn năm trước. Cần xem xét sự thay đổi cấu trúc tài sản để đánh giá rủi ro tài chính.

Phân tích hệ số Dupont cần xem xét tổng thể tình hình tài chính của công ty trong từng giai đoạn để đưa ra kết luận đầy đủ và chính xác.

## CTCP Địa ốc Chợ Lớn (HNX: RCL)



CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 31/12/2024	Tại ngày 31/12/2023	Thay đổi
<b>Tổng tài sản</b>	<b>493</b>	<b>471</b>	<b>4.7%</b>
<b>Tài sản ngắn hạn</b>	<b>326</b>	<b>305</b>	<b>7.1%</b>
Tiền và tương đương tiền	5.59	6.55	-14.8%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	0	3.83	-100%
Phải thu ngắn hạn	208	207	0.4%
Hàng tồn kho	111	86.8	28.0%
Tài sản ngắn hạn khác	1.82	0.44	313%
<b>Tài sản dài hạn</b>	<b>167</b>	<b>166</b>	<b>0.3%</b>
Phải thu dài hạn	27.2	27.2	0.0%
Tài sản cố định	8.14	8.55	-4.8%
Bất động sản đầu tư	41.7	44.9	-7.2%
Tài sản dở dang	84.1	80.3	4.8%
Đầu tư tài chính dài hạn	5.33	5.33	0.0%
Tài sản dài hạn khác	0.28	0	
Lợi thế thương mại	0	0	
<b>Nợ phải trả</b>	<b>206</b>	<b>184</b>	<b>12.0%</b>
<b>Nợ ngắn hạn</b>	<b>191</b>	<b>184</b>	<b>3.9%</b>
Vay và nợ thuê ngắn hạn	0	0	
Phải trả người bán ngắn hạn	10.1	2.73	270%
<b>Nợ dài hạn</b>	<b>14.9</b>	<b>0</b>	
Vay và nợ thuê dài hạn	14.9	0	
<b>Nguồn vốn chủ sở hữu</b>	<b>288</b>	<b>287</b>	<b>0.0%</b>
<b>Vốn chủ sở hữu</b>	<b>288</b>	<b>287</b>	<b>0.0%</b>
Vốn điều lệ	139	139	0.0%
<b>Kinh phí và quỹ khác</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	2020	2021	2022	2023	2024
<b>Doanh thu thuần</b>	<b>145</b>	<b>122</b>	<b>81.4</b>	<b>13.6</b>	<b>14.9</b>
Giá vốn hàng bán	114	92.4	57.1	7.24	7.49
<b>Lợi nhuận gộp</b>	<b>30.4</b>	<b>29.6</b>	<b>24.3</b>	<b>6.35</b>	<b>7.46</b>
Doanh thu HĐTC	6.71	1.37	1.09	1.01	1.66
Chi phí TC	0.00	0.21	1.24	-0.71	-0.18
<b>Chi phí lãi vay</b>	<b>0</b>	<b>0.05</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>
LN trong công ty LKLD	0	0	0	0	0
Chi phí bán hàng	10.2	8.66	4.71	0.04	0
Chi phí QLDN	10.6	7.37	9.55	6.66	7.56
<b>LN thuần từ HĐKD</b>	<b>16.2</b>	<b>14.8</b>	<b>9.94</b>	<b>1.37</b>	<b>1.74</b>
Lợi nhuận khác	0.03	5.00	-0.06	0.00	0.41
<b>LN trước thuế</b>	<b>16.3</b>	<b>19.8</b>	<b>9.88</b>	<b>1.37</b>	<b>2.15</b>
<b>Lợi nhuận sau thuế</b>	<b>15.0</b>	<b>17.0</b>	<b>7.91</b>	<b>1.16</b>	<b>1.79</b>
<b>LNST của CĐ cty mẹ</b>	<b>15.0</b>	<b>17.0</b>	<b>7.91</b>	<b>1.16</b>	<b>1.79</b>

LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (tỷ VNĐ)	2020	2021	2022	2023	2024
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	-92.6	-33.3	1.14	-1.15	-16.5
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	22.1	37.5	1.09	0.94	0.71
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	-10.1	-10.1	0	-4.16	14.9
Tiền đầu kỳ	95.1	14.5	8.68	10.9	6.55
<b>Lưu chuyển tiền thuần</b>	<b>-80.6</b>	<b>-5.83</b>	<b>2.23</b>	<b>-4.36</b>	<b>-0.97</b>
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0	0	0
Tiền cuối kỳ	14.5	8.68	10.9	6.55	5.59